

Nhiều hạnh chính sách tiền tệ

Nôilông hay **thất** **chất**?



TS. LÊ VĂN LUYỄN

Học viên Ngân hàng

quyết định nổi rộng biên độ giao dịch của đồng Nhân dân tệ so với USA. Theo nội biên độ giao dịch mua bán USD của các ngân hàng thông mại (NHTM) ở Trung Quốc với khách hàng nước ngoài dao động 0,5% so với tỷ giá chính thức do NHTW Trung Quốc công bố hàng ngày, tăng mạnh so với biên độ quy định trước nội là 0,30%. Việc nổi rộng biên độ giao dịch USD làm ảnh hưởng tích cực hơn trên thị trường của đồng Nhân dân tệ so với USD, trước sự sụp đổ của Mỹ nội Trung Quốc phải giảm giá Nhân dân tệ để giảm thâm hụt thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc nên lên tới hơn 233 tỷ USD trong năm 2006. Tỷ giá giao dịch tại trước thời điểm Trung Quốc nổi rộng biên độ nội trên là 1 USD nội nội 7,6551 NDT và sau thời điểm nhiều chênh lệch nội nhẹ, dao động quanh mức 1 USD nội nội 7,6550 NDT. Một tỷ giá này đã ảnh hưởng khá mạnh so với trong một thời gian dài Trung Quốc gần như cố định tỷ giá nội nội 8,28 NDT/USD và từ tháng 7-2005 nội chênh giảm 2% tỷ giá nội nội trên.

Nhiều hạnh chính sách tiền tệ là một vấn đề nội. Trong bối cảnh so sánh với Trung Quốc thì đây lại là một vấn đề nội hơn và phức tạp. Với khuôn khổ một bài viết, tác giả xin bàn về một vấn đề nội thời điểm này nội là nhiều hạnh chính sách tiền tệ theo hướng thất chất hay nổi nội.

NỘI LÔNG HAY THẤT CHẤT

Nhiều hạnh chính sách tiền tệ thất chất hay nổi nội tùy thuộc vào mục tiêu nhiều hạnh chính sách này của Ngân hàng Trung ương (NHTW) trong mỗi thời kỳ dựa trên những diễn biến vĩ mô của nền kinh tế và tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế kèm theo lạm phát. Một số nội hạnh cũ thể của Ngân hàng Nhân dân (NHTW) Trung Quốc và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam trong thời gian gần đây có thể cho các ví dụ minh chứng về vấn đề này.

Mới đây, trung tuần tháng 5-2007 NHTW Trung Quốc vừa

NHTW Trung Quốc cũng có một số quyết định nội chênh khác theo hướng thất chất tiền tệ nhằm hạn chế sự tăng trưởng nóng của nền kinh tế nội này và do lo ngại lạm phát trong ngắn hạn. Theo nội tỷ lệ nội đổi trở bất buộc các ngân hàng thông mại phải nộp tại NHTW Trung Quốc tăng thêm 0,5% lên tỷ lệ 11,5%, lãi suất tiền gửi tăng thêm 0,27% lên mức 3,06%, lãi suất cho vay tăng thêm 0,18% lên mức 6,75%.

Trong quý I/2007, kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng cao nội mức 11,1% nội qua đó khiến của của các nhà quản lý nội

hành và mọi của Trung Quốc. Nguyên nhân do xuất khẩu và nhập khẩu tăng trưởng mạnh. Với các quyết định như hành chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt nội tệ, sẽ khuyến khích tiết kiệm, hạn chế nhập khẩu.

Nói với Việt Nam, mục tiêu như hành chính sách tiền tệ và nội tệ kiến trì theo hướng thực này tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ Tăng trưởng kinh tế năm 2006 và những tháng đầu năm 2007 của Việt Nam vẫn bám sát so với các tiêu chí hội nhập toàn quốc là thời X và Nghị quyết của Quốc hội về nó. Lạm phát vẫn có xu hướng tăng khai Vì vậy NHNN vẫn giữ ổn định các quy định về lãi suất, tỷ lệ giá trị trong như hành chính sách tiền tệ và môi này như chênh tăng gap nội tệ để đối phó bất biến.

Các loại lãi suất do NHNN Việt Nam công bố giữ ổn định trong suốt cả năm 2006 và tiếp tục ổn định trong 5 tháng đầu năm 2007. Lãi suất cơ bản duy trì ở mức 8,25%/năm, lãi suất tại các cấp vốn 6,5%/năm và lãi suất chiết khấu 4,5%/năm. Song lãi suất một số hòng do NHNN Việt Nam như hành thì lãi giảm mạnh. Lãi suất hòng như thầu tín phiếu Kho bạc Nhà nước giảm từ 6,3%/năm thời điểm đầu tháng 1-2006 xuống còn 3,35%/năm thời điểm giữa tháng 12-2006 và 5 tháng đầu năm 2007 lại tiếp tục giảm thấp hơn. Lãi suất nghiệp vụ hòng môi cũng giảm từ 6,0%/năm thời điểm đầu năm xuống còn 0,90%/năm trong tháng 12-2006 và đến cuối tháng 5-2007 nâng dao động quanh mức lãi suất nội tệ Trong khi đó lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay của các NHTM trên hòng thì tăng khai Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 năm của các NHTM thời điểm cuối tháng 5-2007 nâng dao động quanh mức 8,4%/năm nói với Ngân Việt Nam và 4,5%/năm nói với USD. Lãi suất cho vay thì ổn định hơn, bình quân 13% - 14%/năm nói với Ngân Việt Nam và 6% - 7%/năm nói với USD.

Có lẽ câu hỏi nội tệ đặt ra là tại sao các loại lãi suất do NHNN công bố lại ít có tác động đến hòng tiền tệ tại sao lãi suất các loại hòng do NHNN như hành lại giảm mạnh và tại sao trong khi các loại lãi suất hòng giảm mạnh thì lãi suất của các NHTM vẫn tăng lên thậm chí còn tăng mạnh! Có thể lý giải những vấn đề này như sau:

Thứ nhất, lãi suất cơ bản do NHNN công bố và nguyên tắc là lãi suất cho vay khách hàng tối nhất của các NHTM nội tệ chọn, chủ yếu là các NHTM Nhà nước và một số NHTM có phần quy mô lớn. Với NHNN các công bố chủ yếu không phải là lãi suất có tính chất "can thiệp". Trong một số lần trước đây trước công luận, chính Thống đốc NHNN cũng thừa nhận, lãi suất cơ bản các có tính chất công bố Cơ bản thậm chí một số lần như NHTM thì cho rằng tuy không như hành hòng do lãi suất cơ bản công bố thấp xa so với lãi suất cho vay trên hòng, nên này là có sự chênh lệch giữa khách hàng lớn, khách hàng tiền tệ khi vay vốn nội tệ lãi suất cơ bản ra "mức cao" lãi suất vay vốn với NHTM. Trong thời kỳ tiếp hợp và tính toán lãi suất cho vay khách hàng tối nhất của các NHTM nội tệ lựa chọn các các thức để chính xác hay không lại là một vấn đề cần nội phân tích kỹ

Bên cạnh nội tệ và nguyên lý NHNN là người chỉ vay và cho vay cuối cùng can thiệp và cung cấp vốn, thì nội can thiệp lãi suất trên hòng. Tuy nhiên, hòng này hiện nay chủ yếu do các NHTM giao dịch vay mượn vốn trực tiếp lẫn nhau, NHNN không nắm giữ và kiểm soát thời gian số giao dịch của hòng và hầu như cũng không có hoạt động cho vay hay chỉ vay cuối cùng can thiệp.

Hai là lãi suất cho vay chiết khấu và lãi suất cho vay tại các cấp vốn mà dù nội công bố không hai hoạt động cho vay này của NHNN không thông xuyên, các

thực hiện khi giải quyết "tình huống" nội xuất và thanh khoản của NHTM nội tệ Nội tệ hầu như các các NHTM Nhà nước nội tệ hòng hai nghiệp vụ này, trong khi hòng của hòng NHTM có phần, Ngân hàng liên doanh và chi nhánh Ngân hàng nội tệ ngoại nâng tăng lên mạnh.

Ba là trong cơ cấu nguồn vốn huy động của các NHTM nâng có sự thay đổi lớn, nội tệ tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tăng lên. Trong khi đó trong cơ cấu nguồn vốn của các NHTM cũng có sự chuyển biến quan trọng, tỷ trọng nội tệ cho vay trong tổng tài sản có sự sinh lời giảm, tỷ trọng vốn như tổ chức hòng, giá trị có giá trị cho vay trên hòng liên ngân hàng cũng tăng lên. Xu hướng chuyển động nội tệ nội hòng các NHTM phải tăng tính thanh khoản nội, hòng lại phải kinh doanh tiền tệ có hiệu quả cao hơn, sử dụng tối ưu nội tệ và khai dụng. Giải pháp hữu hiệu nhất là tìm kiếm nghiệp vụ hòng môi như tổ và tín phiếu kho bạc. Do nội doanh số giao dịch của hai hòng hòng này cũng tăng mạnh. Nhu cầu như tổ và tín phiếu kho bạc và mua bán ngân hàng trên hòng hòng môi tăng cao, lãi suất hòng môi và hòng như thầu tín phiếu kho bạc giảm.

Bốn là nguyên nhân chung và quan trọng nhất là hòng tiền tệ theo hướng thông lệ quốc tế đối Việt Nam cho phát triển, các công cụ như hành gián tiếp chính sách tiền tệ cho hoàn thiện.

Năm là lãi suất của các NHTM vẫn tăng cao trong thời gian qua, trước hết do lãi suất chuẩn USD của Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) tăng khai trong thời gian dài và hiện nay nâng hòng ổn định ở mức 5,25%/năm; lãi suất EURO của ECB cũng tăng lên, do đó lãi suất huy động vốn ngoại tệ trong nội tệ tăng lên. Các NHTM huy động nội tệ vốn ngoại tệ nếu không cho vay ra nội tệ thì như tổ trên hòng tiền tệ quốc tế theo luật định

hàng chênh lệch lãi suất. Bên cạnh đó, do cạnh tranh lãi suất huy động vốn nội tệ của các NHTM trong nước, nhất là các NHTM có phần môi chuyên từ NHTM có phần nông thôn, các NHTM có phần nội thành mỗi ngày sẽ phải triển,... tăng cao lãi suất huy động vốn của mình. Do đó, các NHTM khác, thậm chí một số NHTM có vốn khai thác khai thác phải tăng lãi suất lên khoảng 5% mà khách hàng. Ngoài ra, các ngân hàng khác có thể kể đến là các ngân hàng có phần nông thôn, mỗi ngày sẽ phải triển của TTCK... cũng tăng lãi suất nên tại lý do đó, các NHTM phải tăng cao lãi suất huy động vốn của mình.

NHỮNG BÀI HỌC LỪA ĐẢO TRUNG QUỐC

Về nhiều hành công cụ tài chính Trong thời gian dài NHNN tiếp tục duy trì tỷ lệ biến đổi giao dịch trong mua bán ngoại tệ của các TCTD nội tệ với khách hàng nước ngoài nhằm cho đến cuối năm 2006 là +/- 0,25% và từ đầu năm 2007 nước nội tệ tăng lên +/- 0,5%. Bên cạnh đó, NHNN chủ động sản xuất mua bán can thiệp trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, thông qua nội tăng công quy đổi tỷ giá ngoại tệ quốc gia lên 2,5 tỷ USD so với mức 2,0 tỷ USD của năm 2005, tổng nông khoảng 12 tuần nhập khẩu. Trong thời gian hiện nay, nước biệt NHNN tiếp tục tăng mua ngoại tệ vào quy đổi tỷ giá của mình.

Theo mức tiêu nhiều hành chính sách tiền tệ nước này ra, NHNN Việt Nam cho đến tháng 5-2007 tiếp tục giữ ổn định tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ với các tiền gửi nội tệ và ngoại tệ. Từ tháng 6-2007, NHNN tăng gấp đôi tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ. Cụ thể, mức đổi tỷ giá ngoại tệ tiền gửi nội tệ dao động 12 tháng của hầu hết các NHTM tăng từ 5% lên 10%, của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tăng từ 4% lên 8%, của Quý Tín dụng từ 2% lên 4%. Tiền gửi đổi tỷ

giá ngoại tệ dao động 12 tháng tăng từ 8% lên 10%; kỳ hạn từ 12 đến 24 tháng tăng từ 2% lên 4%.

Về ngân hàng nhận tăng tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ với nội tệ Trong thời gian qua lãi suất tiền gửi ngoại tệ của các NHTM tăng khá và lên mức cao, nên NHNN tăng tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ tiền gửi ngoại tệ để kiểm soát các NHTM tăng công huy động vốn ngoại tệ vì lo ngại tình trạng nới lỏng tại sân nội trong hệ thống ngân hàng. Trước thời điểm này NHNN vẫn kiên trì, giữ ngân hàng tỷ lệ tiền gửi đổi tỷ giá ngoại tệ năm 2005 đến tháng 5-2007, tại khoảng cách nhất định so với lãi suất tiền gửi nội tệ hạn chế tình trạng dịch chuyển từ Ngân Việt Nam sang USD do lãi suất USD tăng khá và hấp dẫn.

Về ngân hàng nhận tăng tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ với nội tệ do NHNN lo ngại do nội tín dụng của các NHTM tăng trưởng cao, tiềm ẩn gây lạm phát trong thời gian tới. Bên cạnh đó, các ngân hàng tăng giá từ đầu năm 2007 đến nay lãi suất cao hơn cùng kỳ nhiều năm, làm cho lạm phát cả năm 2007 sẽ tăng cao.

Tuy nhiên, nhiều yếu tố các NHTM cho rằng, việc tăng tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ cao làm tăng chi phí huy động vốn của các NHTM, các ngân hàng giảm lợi nhuận của NHTM, tăng lãi suất cho vay những khoản hạn chế nước nhu cầu vay vì yêu cầu vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh, nếu đó, các ngân hàng làm tăng chi phí của người vay vốn. Ngoài ra, Việt Nam nâng can thiệp tỷ giá tăng trưởng kinh tế can thiệp tỷ giá tăng giá lên mức cao không ảnh hưởng lạm phát và do nhiều ngân hàng khách quan cho rằng không phải tiền tệ. Do đó, việc tăng tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ, làm cho khoảng 50.000 tỷ đồng sẽ phải rút khỏi thị trường và biến mất không nên. Trên góc độ khoa học, các ngân hàng Việt Nam tăng tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ với những quan niệm này.

Theo nhận định của người viết, việc nhiều hành chính sách tiền tệ nội tệ của NHNN Việt Nam nước coi là theo hướng linh hoạt, có kiểm soát chặt chẽ nếu như trước đây ổn định nhiều hơn cho thực hiện tăng trưởng kinh tế thì hiện nay nghiêng về kiểm soát lạm phát. So với Trung Quốc thì tỷ lệ đổi tỷ giá ngoại tệ của Việt Nam vẫn còn thấp hơn, nhưng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của Việt Nam và lãi suất cho vay của Việt Nam thì cao hơn và có tính hỗ trợ hơn. Song nền kinh tế Trung Quốc trong nhiều năm qua luôn tăng trưởng ổn định cao, bình quân tới trên 11%/năm, tăng do thông mại và đổi tỷ giá ngoại tệ ổn định khoảng 10%. Đây là hai vấn đề liên quan kinh tế và môi trường hai nước có sự khác nhau. Vì vậy, nội tệ nhiều hành chính sách tiền tệ của Việt Nam cần linh hoạt hơn nữa, theo hướng hỗ trợ đổi tỷ giá ngoại tệ, tăng công vốn cho nền kinh tế hai nước lãi suất trên thị trường. Lý do của các ngân hàng ra là lãi suất NHNN cần linh hoạt hơn nữa trong nhiều chính sách tiền tệ ngoại ngân hàng nội tệ trên thị trường cần phải thực hiện tăng trưởng kinh tế cao hơn nữa, trong khi các ngân hàng tăng khả năng cho phần ảnh hưởng bán chất của lạm phát và nhờ đó mà các ngân hàng không phải từ tiền tệ

Một câu hỏi nước này ra là tại sao Việt Nam cần tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc. Theo các ngân hàng Việt, thì một số ngân hàng kinh tế và mọi hệ thống tài chính – ngân hàng, quá trình gia nhập WTO, của Việt Nam và Trung Quốc có nhiều nét tương đồng. Bởi vậy, nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc về các ngân hàng pháp trong nhiều hành chính sách tiền tệ của Việt Nam là điều cần làm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO
 - www.reuters.com; sbv.gov.vn
 - Trang Web của một số NHTM